

Số: 31/2020/QĐST-HNGĐ

Tam Nông, ngày 11 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2020.
 - **Nguyên đơn:** Chị Lê Kim T - sinh năm 1986
Địa chỉ: Khu 1, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
 - **Bi đơn:** Anh Trần Minh T - sinh năm 1987
Địa chỉ: Khu 1, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
- Căn cứ vào điều 212; điều 213; khoản 3, 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí 2015;
- Căn cứ vào điểm a, khoản 5, điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH - 14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

- Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04/6/2020 hoàn toàn là tự nguyện; không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.
- Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lê Kim T và anh Trần Minh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung:

+ Giao con chung ch- a thành niên là Trần Lê Băng T - Sinh ngày 10/01/2014 cho chị Lê Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục.

+ Giao con chung ch- a thành niên là Trần Lê Tuấn A - Sinh ngày 27/7/2015 cho anh Trần Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục.

Chị T và anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị T và anh T đ- ợc quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục con chung không ai đ- ợc quyền cản trở.

- **Về tài sản chung:** Chị Lê Kim T và anh Trần Minh T xác nhận vợ chồng có tài sản chung gồm: 01 diện tích đất 124,4m² (trong đó 50 m² đất ở và 74,4 m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 255, tờ bản đồ số 18, địa chỉ ở khu 3, xã X(nay là Khu 7, xã B), huyện T, tỉnh Phú Thọ đất đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CG 452429 ngày 21/3/2017 đứng tên hai vợ chồng. Trị giá tài sản là

250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Theo biên bản định giá tài sản ngày 12/5/2020 của Hội đồng định giá UBND huyện T.

Chị Lê Kim T và anh Trần Minh T thống nhất thỏa thuận: Giao cho anh Trần Minh T sở hữu và sử dụng toàn bộ diện tích đất trên. Anh T có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị T là 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng). Xác nhận anh T đã thanh toán cho chị T số tiền 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) vào ngày 04/6/2020. Xác nhận chị Thành đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho anh T quản lý ngày 04/6/2020.

(Trên diện tích đất trên còn có một số cây Ngô, tường bao lan xung quang, hệ thống đường ống nước chị T, anh T không yêu cầu tòa án giải quyết mà tự thống nhất thỏa thuận giao cho anh T quản lý sử dụng tài sản này, anh T không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị T).

- Về tài sản riêng; Về nợ và cho nợ; Về công sức đóng góp: Chị Lê Kim T và anh Trần Minh T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Kim T tự nguyện chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về án phí dân sự chia tài sản:

+ Chị Lê Kim T phải chịu 3.125.000đ (Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản.

Xác nhận Chị Lê Kim T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0002563 ngày 25/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Chị Thành còn phải nộp thêm 2.975.000đ (Hai triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

+ Anh Trần Minh T phải chịu 3.125.000đ (Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã Bắc Sơn.
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Thu Huyền

